

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày 24-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Lã Anh Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 180/TB-TA ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 (sau đây viết tắt là T2); địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà T2, số E L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc C - Chuyên viên Cao cấp - Phòng Xử lý nợ miền B - Trung tâm Giám sát Tín dụng và Xử lý nợ Khách hàng doanh nghiệp – T2, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 31/2023/GUQ-TPB.CMC ngày 31/01/2023); có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T; cùng cư trú tại: Số F đường T, tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết xét xử vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T vay vốn tại T2 theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020. Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp này, T2 đồng cho bà L và ông T vay tổng số tiền là: 1.285.000.000 đồng, được chia làm 02 khế ước:

- Khế ước thứ nhất: Vay 1.270.000.000 đồng; mục đích: Vay mua ô tô; Lãi suất: 9,5%/năm và được điều chỉnh định kỳ theo Hợp đồng đã ký. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 07/05/2020 đến 07/05/2027, trả gốc lãi hàng tháng và tất toán vào kỳ cuối cùng. T2 đã giải ngân bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của ông Nguyễn Ngọc P được mở tại T2 theo yêu cầu bà L ông T.

- Khế ước thứ hai: Vay 15.000.000 đồng; mục đích: Thanh toán phí bảo hiểm vật chất bắt buộc; Lãi suất: 18%/năm. Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 20/05/2021. Đây là khế ước giải ngân bắt buộc nếu trong trường hợp bà L và ông T không tự nguyện mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm thì T2 sẽ chuyển tiền cho bên bán bảo hiểm mà không cần sự đồng ý của bà L và ông T được thể hiện tại điểm b khoản 1.12 Điều 1 của Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp. Bà L và ông T cũng biết rõ điều đó nên quá trình thực hiện hợp đồng họ đã trả cho T2 được một phần nợ của khoản vay này.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn cùng thời điểm.

- Lãi chậm trả lãi: Bằng 10% tính trên số tiền lãi chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: 01 xe Ô tô nhãn hiệu: VINFAST; màu: Đỏ; Số khung: RPXAB2AXHLV000534; Số máy: 200300003VF20SUV; Biển kiểm soát: 15A – 586.41; Giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an Thành phố H cấp ngày 05/05/2020 cho ông Nguyễn Mạnh T. Việc thế chấp tài sản nêu trên đã thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020, kể từ thời điểm nhận nợ vay đến nay, bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T đã trả cho T2 tổng số tiền là: 391.922.117 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản trả nợ mở tại T2 (trong đó, số tiền nợ gốc là: 237.485.720 đồng, lãi trong hạn là: 154.225.830 đồng, lãi quá hạn là 157.375 đồng và lãi chậm trả lãi là 53.192 đồng). Kể từ ngày 25/9/2021 đến nay, bà L và ông T đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán nợ cho T2. T2 đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện cho bà L và ông T thanh toán nợ bằng việc cho họ nộp tiền để giải chấp xe ô tô, nhưng họ không thực hiện làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của T2 nên T2 mới phải khởi kiện ra Tòa án. Tạm tính đến ngày 24/5/2024, bà L và ông T còn nợ T2 số tiền cụ thể như sau:

+ Nợ gốc:	1.047.514.280 đồng
+ Lãi trong hạn:	291.733.469 đồng
+ Lãi quá hạn:	146.095.565 đồng

+ Lãi chậm trả lãi: 41.909.884 đồng

Tổng cộng: 1.527.253.198 đồng

T2 yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà L và ông T thanh toán ngay cho T2 tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 tạm tính đến ngày 24/5/2024 là: 1.527.253.198 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm chín mươi tám đồng) và các khoản tiền lãi, tiền phạt tính trên tổng số tiền nêu trên kể từ ngày 25/5/2024 đến ngày khoản nợ được thanh toán hết.

2. Trong trường hợp kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực mà bà L và ông T không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T2 thì T2 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ cho T2: 01 Ô tô nhãn hiệu: VINFAST; màu: Đỏ ; Số khung: RPXAB2AXHLV000534; Số máy: 200300003VF20SUV; Biển kiểm soát: 15A – 586.41; Giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an Thành phố H cấp ngày 05/05/2020 cho ông Nguyễn Mạnh T.

3. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông T đối với T2. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà L và ông T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T2.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị đơn là ông Nguyễn Mạnh T và bà Phùng Thị L trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 06/05/2020, bị đơn có ký Hợp đồng vay và thế chấp xe ô tô VINFAST, Biển kiểm soát: 15A – 586.41 để vay số tiền là 1.270.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do tình hình kinh tế sau C1 bị suy thoái nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ. Bị đơn được nhân viên Ngân hàng làm đơn giảm lãi và giãn nợ. Trong quá trình chờ được xét, ngày 19/3/2022 do không hẹn trước, nhân viên ngân hàng liên hệ gặp bị đơn để thống nhất giải quyết theo đơn đề nghị của gia đình nhưng bị đơn không có nhà và có hẹn lại cho bị đơn đến 17h chiều cùng ngày hoặc đến sáng ngày hôm sau là ngày 14/9/2022 được gặp. Song không hiểu vì sao ngân hàng lại cho người và xe cầu cưỡng chế thu giữ trái phép chiếc xe của bị đơn khi xe đang để ở trước cửa nhà bị đơn - số F đường T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng. Sự việc trên đã được cơ quan Công an quận K thụ lý và thu giữ phương tiện làm hư hại tài sản và thiệt hại kinh tế ảnh hưởng đến uy tín danh dự của bị đơn. Cụ thể bị đơn phải thuê xe phục vụ công việc đi lại với số tiền 24.000.000 đồng/tháng. Cho đến tháng 10/2023 mới được cơ quan Công an và Viện kiểm sát quận K trả lại xe. Do phương tiện để lâu nên bị hư hỏng, bị đơn phải đưa sang hãng sửa chữa hết 100.000.000 đồng. Bị đơn đề nghị Ngân hàng làm thủ tục thanh lý chiếc xe trên để gia đình có điều kiện tắt toán khoản nợ trên, nhưng chưa được giải quyết. Nay ngân hàng khởi kiện ra Tòa, bị đơn đề nghị Tòa

án xem xét bảo vệ quyền lợi cho bị đơn do ngân hàng đã gây ra thiệt hại trực tiếp và gián tiếp về tinh thần và vật chất.

Theo Phiếu trả lời xác minh xe số ngày 22/01/2024 của Phòng C2 Công an thành phố H: Xe Ô tô nhãn hiệu: VINFAST; màu: Đỏ; Số khung: RPXAB2AXHLV000534; Số máy: 200300003VF20SUV; Biển kiểm soát: 15A – 586.41; mang tên chủ xe là Nguyễn Mạnh T (địa chỉ: Tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng), hiện chưa sang tên cho tổ chức, cá nhân nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 275, 280, 292, 293, 295, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 464, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 24/5/2024 là 1.527.253.198 đồng và bị đơn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ đã vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp bị đơn không trả được khoản nợ trên, T2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của bà L và ông T đối với T2, thì bà L và ông T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho T2.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức với cá nhân, không có mục đích lợi nhuận (mua xe để phục vụ cho việc đi lại) nên là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T; cùng cư trú tại: Số F đường T, tổ K, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 24/5/2024) là 1.527.253.198 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/5/2024 đến ngày bị đơn trả hết nợ, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 giữa T2 – Chi nhánh H với bị đơn là bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội; thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, phương thức trả nợ... đều phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng nên phát sinh hiệu lực. Theo hợp đồng này, bà L và ông T có vay của T2 02 khoản, được thể hiện ở 02 kế ước nhận nợ sau:

[2.1] Khế ước nhận nợ thứ nhất: Vay 1.270.000.000 đồng; mục đích: Vay mua ô tô. Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 08 tháng 01 năm 2024 gửi cho Tòa án, bị đơn đã xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền này và hiện chưa trả hết được nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với khế ước nhận nợ thứ hai: 15.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán phí bảo hiểm vật chất bắt buộc. Đây là số tiền mua bảo hiểm bắt buộc để bảo vệ tài sản thế chấp, mặc dù T2 đã thông báo cho bị đơn biết việc này, nhưng bị đơn không mua nên theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 và Bản Điều kiện, điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô, T2 sẽ là người thanh toán số tiền mua bảo hiểm cho Công ty B và bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền này cho T2. Quá trình thực hiện khế ước nhận nợ thứ hai, bị đơn đã thanh toán được cho T2 tổng số tiền là 10.611.906 đồng (trong đó, tiền gốc: 10.000.000 đồng, lãi trong hạn là 585.618 đồng, lãi quá hạn là 25.891 đồng và lãi chậm trả lãi là 397 đồng). Điều đó, cho thấy bị đơn đã biết rõ về khoản nợ này của bị đơn đối với T2.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/9/2021 nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ trước hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 và khoản 2.6 Điều 2 Bản Điều kiện, điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy tính đến ngày 24/5/2024, bị đơn còn nợ của nguyên đơn tổng số tiền là 1.527.253.198 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của T2 về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho T2 số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 24/5/2024 là 1.527.253.198 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01

ngày 06/05/2020 kể từ ngày 25/5/2024 cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ cho T2, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Tài sản thế chấp là xe Ô tô nhãn hiệu: VINFAST; màu: Đỏ ; Số khung: RPXAB2AXHLV000534; Số máy: 200300003VF20SUV; Biển kiểm soát: 15A – 586.41; Giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an Thành phố H cấp ngày 05/05/2020 cho ông Nguyễn Mạnh T được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội nên phát sinh hiệu lực. Khi thế chấp, các bên đều thừa nhận, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn, không có tranh chấp với ai; trình tự thủ tục thế chấp tài sản của các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Do đó, T2 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020, Điều 6 Bản Điều kiện, điều khoản chung về cho vay và thế chấp xe ô tô và các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, mặc dù Tòa án đã nhiều lần yêu cầu bị đơn mang tài sản thế chấp đến Tòa án để Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng bị đơn không thực hiện nên Tòa án không biết hiện chiếc xe ô tô này đang ở đâu; do vậy, chỉ khi nào T2 phát hiện thấy, thì mới có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

[4] Đối với yêu cầu: Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì bị đơn vẫn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho T2 đến khi tất toán khoản vay. Xét yêu cầu này của T2 là phù hợp với quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết hợp đồng (Điều 307 của Bộ luật Dân sự 2015) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, trong văn bản trình bày ý kiến đề ngày 08/01/2024 của bị đơn có nêu: *“đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi cho bị đơn do ngân hàng đã gây ra thiệt hại trực tiếp và gián tiếp về tinh thần và vật chất”*. Tòa án đã ra Thông báo và gửi cho bị đơn yêu cầu bị đơn làm đơn phản tố nêu cụ thể các yêu cầu của mình nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không thực hiện nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này bị đơn có yêu cầu, thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 57.817.596 đồng (đã được làm tròn). Trả lại nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.208.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 275, 280, 292, 293, 295, 299, 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 4, 10 và 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1.

1.1. Buộc bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 số tiền còn nợ tính đến ngày 24/5/2024 là: 1.527.253.198 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, một trăm chín mươi tám đồng), trong đó bao gồm:

- + Nợ gốc: 1.047.514.280 đồng
- + Lãi trong hạn: 291.733.469 đồng
- + Lãi quá hạn: 146.095.565 đồng
- + Lãi chậm trả lãi: 41.909.884 đồng

(Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 - Chi nhánh H với bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/5/2024), cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020.

1.2. Trường hợp bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 phát hiện thấy tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu: VINFAST; màu: Đỏ; Số khung: RPXAB2AXHLV000534; Số máy: 200300003VF20SUV; Biển kiểm soát: 15A – 586.41; Giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an Thành phố H cấp ngày 05/05/2020 cho ông Nguyễn Mạnh T, thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

(Theo Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp số: 197/2020/HĐTD/NQN/01 ngày 06/05/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 - Chi nhánh H với bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T).

1.3. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, thì bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T vẫn tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 đến khi

tất toán khoản vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phùng Thị L và ông Nguyễn Mạnh T phải nộp 57.817.596 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, tám trăm mười bảy nghìn, năm trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T1 27.208.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm lẻ tám nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004751 ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình